

Số: /QĐ-SLĐTBXH

Quảng Bình, ngày tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 (bổ sung)
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 22/03/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 7283/QĐ-SLĐTBXH ngày 17/10/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022; Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (bổ sung) của Văn phòng Sở, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (theo Biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo Sở, phòng Kế hoạch - Tài chính, các tổ chức chuyên môn và các đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Các TCCM;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu :VT, KHTC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Sơn

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**Chương: 424****DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số : /QĐ-SLĐTBXH ngày / 11 /2022 của
Sở Lao động - TB&XH tỉnh Quảng Bình)

(ĐVT: nghìn đồng)

TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
<u>I</u>	<u>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</u>		-
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
<u>II</u>	<u>Dự toán chi ngân sách nhà nước</u>		
<u>II.1</u>	<u>Kinh phí địa phương</u>	<u>350.000</u>	
1	Chi quản lý hành chính	350.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	350.000	(KP quản lý, chăm sóc nghĩa tràng Cán bộ trung, cao cấp của tỉnh năm 2022)
2	Chi đảm bảo xã hội		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		
.11	Chi chương trình mục tiêu		
<u>II.2</u>	<u>Kinh phí ủy quyền trung ương</u>		
1	Chi quản lý hành chính		